

Số: /BC-SCT

Bắc Giang, ngày tháng 10 năm 2020

BÁO CÁO

Tình hình giá cả thị trường tỉnh Bắc Giang tháng 10 năm 2020

1. Tình hình thị trường

Tình hình dịch bệnh Covid-19 đợt hai ở nước ta bước đã được kiểm soát, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tăng nhẹ so với tháng trước. Tuy nhiên so với cùng kỳ năm trước vẫn giảm nhẹ là do mức tiêu dùng trong dân cư giảm do một số đối tượng lao động bị giảm thu nhập do dịch bệnh dẫn tới tiêu dùng giảm. Về giá cả thị trường trong tháng tương đối ổn định, không có biến động lớn. Giá xăng dầu, giá vàng biến động theo biến động giá thế giới, giá thịt lợn giảm nhẹ; giá cả một số mặt hàng rau xanh giảm do nguồn cung dồi dào; giá cả một số mặt hàng thời trang, điều hoà và các thiết bị làm mát giảm mạnh do thời tiết chuyển mùa.

Tổng mức bán lẻ hàng hóa, dịch vụ tháng 10 ước đạt 2.774 tỷ đồng, tăng 4,2% so với tháng trước; cộng dồn 10 tháng ước đạt 23.577 tỷ đồng, bằng 97,6% so cùng kỳ; đạt 72% so với kế hoạch. Trong đó tổng mức bán lẻ hàng hoá ước đạt 21.418 tỷ đồng, bằng 99% so cùng kỳ; doanh thu dịch vụ ước đạt 2.159 tỷ đồng, bằng 86,4% so cùng kỳ. Theo số liệu của Cục Thống kê tỉnh Bắc Giang, chỉ số giá tiêu dùng toàn tỉnh tháng 10 giảm 0,34% so với tháng trước và tăng 4,46% so với bình quân cùng kỳ. Giá xăng dầu biến động nhẹ, giá vàng giảm tuy nhiên vẫn giữ ở mức cao, giá thép xây dựng tiếp tục ổn định. Giá thịt lợn hơi đang có xu hướng giảm, giá cả một số mặt hàng thực phẩm tiếp tục ổn định; một số mặt hàng thời trang có nhiều chương trình khuyến mại ưu đãi lớn do thời tiết đang chuyển mùa.

2. Diễn biến giá của một số nhóm hàng thiết yếu

2.1. Nhóm hàng lương thực

Qua khảo sát tại một số chợ, cửa hàng lương thực trên địa bàn tỉnh cho thấy, giá bán lẻ các loại gạo tương đối ổn định, giảm nhẹ so với tháng trước. Cụ thể: gạo tẻ thường (khang dân) 13.000đ/kg; gạo thơm: 15-17.000 đ/kg; gạo nếp: 25.000 - 30.000 đ/kg. Nếp Phi Điền: 45.000đ/kg.

2.2. Nhóm hàng thực phẩm

- Giá thịt lợn giảm nhẹ nhưng vẫn ở mức cao. Giá lợn hơi trung bình dao động từ 75-77.000đ/kg; giá thịt lợn mót từ 95-98.000đ/kg; giá bán lẻ thịt lợn

dao động từ 120-140.000đ/kg tùy từng loại. Mông sắn trung bình 110-120.000đ/kg; thịt thăn, ba chỉ 140.000đ/kg. Nhóm các thực phẩm thay thế như gia cầm, cá, trứng, thịt bò, hải sản... giá ổn định do nguồn cung dồi dào. Riêng giá vịt, tôm có tăng nhẹ do nhu cầu thị trường. Thịt bò: 260.000đ/kg; cá chép: 60.000-75.000 đ/kg; cá chuối 90.000 - 120.000 đ/kg; cá rô phi: 30-40.000đ/kg; gà ta lông: 50.000 - 70.000 đ/kg; trứng gà ta: 28.000 - 35.000 đ/chục.

- Rau, củ, quả: Giá rau xanh các loại tại các chợ giữ ổn định do nguồn cung dồi dào, cụ thể: Giá bán lẻ một số loại: rau muống, rau mùng tơi, cải xanh, cải, ngót 5-7.000 đ/mớ; bí xanh 10.000-12.000đ/kg; khoai tây 10.000-15.000 đ/kg; cà chua: 20.000-25.000 đ/kg.

- Các mặt hàng thiết yếu công nghệ (mỳ tôm, mỳ gạo, dầu ăn, nước uống đóng chai..) sức mua tăng nhưng giá cả ổn định, theo mức giá niêm yết của nhà sản xuất.

2.3. Mặt hàng xăng dầu

Do ảnh hưởng giá xăng dầu thế giới, nên giá bán lẻ xăng dầu trong nước đã được điều chỉnh. Sau 2 lần điều chỉnh (ngày 12/10 ; 27/10) mức giá hiện tại: Xăng RON 95-IV: 15.040/lít, RON 95-III: 14.940 đ/lít, Xăng sinh học E5 RON 92-II: 14.100/lít; Dầu Đielzen 0,001S-V: 11.560 đ/lít; Dầu hỏa: 9.710 đ/lít.

2.4. Mặt hàng khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)

Giá Gas tiếp tục phục hồi dần, tăng nhẹ. Giá gas tháng 10/2020 trong nước tăng 6.000 đồng/bình 12kg. Mỗi bình gas 12kg bán lẻ từ ngày 1/10/2020 ở khoảng 328-356.000 đồng; 1.425.000-1.470.000 đồng/bình 48kg tùy từng loại.

2.5. Giá vàng và đô la Mỹ

Theo số liệu của Cục Thống kê tỉnh chỉ số giá vàng tháng 10/2020 giảm 1.50% so với tháng trước và tăng 25,51% so với cùng kỳ năm trước. Cụ thể, giá vàng 99,99 trên thị trường tỉnh Bắc Giang giao động ở mức 5.260.000 – 5.360.000 đ/chỉ (mua vào - bán ra).

Tỷ giá đô la Mỹ tháng 10/2020 tăng nhẹ 0,06% so với tháng trước và tăng 0,17% so với cùng kỳ năm trước. Cụ thể, tỷ giá đô la Mỹ niêm yết tại các ngân hàng thương mại giao động ở mức 23.150 - 23.350 VND/USD (mua vào - bán ra).

3. Dự báo giá cả thị trường tháng tới

- Do ảnh hưởng của dịch bệnh, thiên tai, ảnh hưởng đến tình hình thị trường và các nhóm giao thông, dịch vụ... Một số mặt hàng xăng dầu, khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG), giá vàng và tỷ giá đô la Mỹ sẽ tiếp tục có những biến động theo tác động của thị trường thế giới. Mặt hàng thịt lợn và các mặt hàng thiết yếu giữ ổn định.

- Giao mùa, các mặt hàng đồ uống, thiết bị, đồ dùng điện lạnh giảm; các mặt hàng cho mùa thu, đông như quần áo, giày, chăn ga, đệm tăng theo nhu cầu tiêu dùng.

4. Một số giải pháp bình ổn thị trường

- Tiếp tục theo dõi sát diễn biến tình hình thị trường, giá cả, kịp thời đề xuất với UBND tỉnh, Bộ Công Thương các giải pháp bình ổn giá cả thị trường.

- Phối hợp với các ngành chức năng, tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát, chống buôn lậu, gian lận thương mại, chống sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng kém chất lượng; kịp thời phát hiện và xử lý theo quy định của pháp luật đối với các tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm.

- Phối hợp với các sở, ban, ngành của tỉnh tiếp tục tháo gỡ khó khăn, hỗ trợ các doanh nghiệp phát triển sản xuất, kinh doanh./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (b/c);
- cungcau@moit.gov.vn (b/c);
- Sở Công Thương các tỉnh, TP;
- Cục QLTT tỉnh Bắc Giang;
- Lãnh đạo Sở;
- Các phòng, đơn vị thuộc Sở;
- Lưu: VT, P. QLTM.

GIÁM ĐỐC

Trần Quang Tấn

BÁN LẺ MỘT SỐ MẶT HÀNG THIẾT YẾU
Trên thị trường tỉnh Bắc Giang tháng 10 năm 2020

TT	Mặt hàng	ĐVT	Tháng trước (kỳ trước)	Tháng báo cáo	Mức tăng giảm
1	Gạo Khang dân	đ/kg	13.000	13.000	-
	Gạo PC	đ/kg	15.000	15.000	-
2	Gạo tám thơm	đ/kg	17.000	17.000	-
3	Gạo nếp	đ/kg	28.000	28.000	-
4	Đậu xanh loại I	đ/kg	55.000	55.000	-
5	Thịt lợn ba chỉ	đ/kg	150.000	140.000	-10.000
6	Thịt lợn sản mổ	đ/kg	135.000	120.000	-15.000
7	Cá quả 1kg/con trở lên	đ/kg	110.000	110.000	-
8	Gà ta 1kg trở lên (gà lông)	đ/kg	70.000	70.000	-
9	Thịt bò	đ/kg	260.000	260.000	-
10	Đường RE	đ/kg	18.000	18.000	-
11	Sữa hộp đặc nhãn Ông Thọ	đ/hộp	20.000	20.000	-
12	Dầu ăn Neptuyn	đ/lít	44.000	44.000	-
13	Muối iốt tinh	đ/kg	6.000	6.000	-
14	Muối iốt Hải Châu 250g/túi	đ/túi	4.000	4.000	-
15	Mỳ chính AJNOMTO 1kg/túi	đ/túi	58.000	58.000	-
16	Nước mắm Nam Ngư	đ/chai	20.500	20.500	-
17	Trứng vịt	đ/quả	3.000	3.000	-
18	Trứng gà ta	đ/quả	3.500	3.500	-
19	Giấy tập kẻ ngang loại 72 trang	đ/tập	7.000	7.000	-
20	Xà phòng ômô	đ/túi	48.000	48.000	-
22	Xăng RON 95-IV	đ/lít	15.080	15.040	-40
21	Xăng sinh học E5 RON 92-II	đ/lít	14.210	14.100	-110
23	Dầu Diesel 0,001S-V	đ/kg	11.520	11.560	+40
24	Dầu hỏa	đ/lít	9.440	9.710	+270
25	Gas (loại 12kg/bình)	đ/bình	350.000	356.000	+6.000